BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 55

BẢN SAO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Minh Thư	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trịnh Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Tuất	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc dự án hạ tầng
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc quản lý vốn
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc phát triển dự án
Bà Trần Yến Vy	Giám đốc hành chính - Quản trị

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Bình - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 029022 Quyển số 09 SCT/BS
Ngày 20-09-2021
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ

Trần Nguyên Yên Vũ

iCPA since 2001
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Lầu 4, tòa nhà Hải Âu TC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
T: (+84 28) 7303 2007

BẢN SAO

Số: 1320/2021/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 9 năm 2021, từ trang 4 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 029023 Quyển số 09 SCT/BS
Ngày 20-09-2021
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ

Trần Nguyên Yên Vũ

Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

BẢN SAO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.975.791.339.056**	**3.448.882.818.590**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**32.456.144.804**	**77.959.570.061**
1. Tiền	111	V.1	32.456.144.804	77.959.570.061
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3.858.390.261.947**	**3.316.618.053.760**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	446.953.860.561	462.448.569.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	471.915.366.998	471.048.878.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	1.980.375.385.397	1.415.431.983.123
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	961.311.044.024	969.854.017.921
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.165.395.033)	(2.165.395.033)
III. Hàng tồn kho	**140**		**50.334.409.976**	**50.334.409.976**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	50.334.409.976	50.334.409.976
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**34.610.522.329**	**3.970.784.793**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	33.213.772.391	2.631.756.818
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60.124.897	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.a	1.336.625.041	1.339.027.975
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**11.800.515.059.969**	**11.513.410.157.215**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**3.680.893.437.216**	**3.438.273.138.620**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	2.988.936.167.882	2.892.496.167.882
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	691.957.269.334	545.776.970.738
II. Tài sản cố định	**220**		**364.531.280**	**510.343.778**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	364.531.280	510.343.778
- Nguyên giá	222		*4.311.381.770*	*5.380.773.400*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(3.946.850.490)*	*(4.870.429.622)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		*1.058.840.204.896*	*1.058.840.204.896*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(1.058.840.204.896)*	*(1.058.840.204.896)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.605.671.504**	**3.476.296.504**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.605.671.504	3.476.296.504
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.11	**8.114.458.246.487**	**8.069.864.604.563**
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.961.299.120.924	6.916.704.379.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		906.480.000.000	906.480.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		245.679.125.563	245.680.225.563
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.193.173.482**	**1.285.773.750**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	1.193.173.482	1.285.773.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**15.776.306.399.025**	**14.962.292.975.805**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.894.427.558.809	12.081.424.578.624
I. Nợ ngắn hạn	310		6.015.240.762.499	4.811.684.621.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.656.563.379	20.703.373.374
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.874.873	1.613.874.873
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.b	4.372.704.073	13.614.083.188
4. Phải trả người lao động	314		7.933.585.460	8.780.098.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	46.564.314.445	33.715.442.092
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	287.143.002.012	374.993.353.013
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	5.641.979.276.649	4.344.902.907.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.977.441.608	13.361.489.430
II. Nợ dài hạn	330		6.879.186.796.310	7.269.739.957.527
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	6.879.186.796.310	7.269.739.957.527
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.881.878.840.216	2.880.868.397.181
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	2.881.878.840.216	2.880.868.397.181
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.832.095.780.000	2.831.681.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.832.095.780.000*	*2.831.681.520.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		392.046.374.932	391.516.634.932
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.027.507.990.369)	(1.027.507.990.369)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		215.502.291.010	202.806.144.830
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		469.742.384.643	482.372.087.788
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*456.979.795.428*	*135.543.810.604*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*12.762.589.215*	*346.828.277.184*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.776.306.399.025	14.962.292.975.805

Nguyễn Văn Bích Ngọc	Mai Thị Thu Phương	Lê Quốc Bình
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 029024 Quyển số 09 SCT/BS
Ngày 20-09-2021
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Nguyên Yên Vũ

BẢN SAO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	700.739.574.504	835.031.873.220
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	667.834.395.680	512.219.849.294
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*609.963.316.469*	*440.273.702.768*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	20.170.747.171	19.291.075.938
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		12.734.431.653	303.520.947.988
10. Thu nhập khác	31		313.636.365	335.632.350
11. Chi phí khác	32		285.478.803	28.013.322
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		28.157.562	307.619.028
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.762.589.215	303.828.567.016
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	-	(364.133.841)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.762.589.215	304.192.700.857

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Bích Ngọc	Mai Thị Thu Phương	Lê Quốc Bình
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 02902 5 Quyển số 09 SCT/BS

Ngày 20 -09- 2021

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ

Trần Nguyên Yên Vũ

BẢN SAO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	12.762.589.215	303.828.567.016
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	145.812.498	145.812.498
Các khoản dự phòng	3	-	18.491.849.585
Lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	5.508.405	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(700.691.775.347)	(834.992.009.075)
Chi phí lãi vay	6	663.964.343.339	488.115.396.688
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(23.813.521.890)	(24.410.383.288)
Tăng/giảm các khoản phải thu	9	(30.762.885.424)	(474.745.412.199)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(29.245.918.897)	78.204.479.729
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(27.478.128.811)	(28.295.516.053)
Tiền lãi vay đã trả	14	(722.550.487.444)	(603.482.397.753)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.080.194.002)	(7.978.549.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**(835.931.136.468)**	**(1.060.707.779.230)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(129.375.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	272.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.205.580.000.000)	(2.028.571.375.867)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	665.193.656.451	619.567.832.317
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(44.594.741.924)	(2.221.120.819.086)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	103.001.100.000	1.791.307.537.111
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	379.661.913.753	355.026.705.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**(102.174.719.447)**	**(1.483.790.119.661)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(175.510.116.869)
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.511.379.219.906	7.124.765.237.459
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.618.669.927.648)	(4.477.162.245.599)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(106.861.600)	(844.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	892.602.430.658	2.472.092.030.172
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(45.503.425.257)	(72.405.868.719)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	77.959.570.061	313.625.617.423
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	32.456.144.804	241.219.748.704

Nguyễn Văn Bích Ngọc	Mai Thị Thu Phương	Lê Quốc Bình
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 029026 quyển số 09 SCT/BS
Ngày 20-09-2021
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Nguyên Yên Vũ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và điều chỉnh lần thứ 27 ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.832.095.780.000 đồng, chia thành 283.209.578 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021: 31 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021: 81).

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; kinh doanh bất động sản; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN SAO

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,79%	54,79%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Tp. Hồ Chí Minh	93,70%	93,70%	Đầu tư và kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước môi trường
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	80,00%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
5. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản
6. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
7. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (Lu Gia Land)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cho thuê văn phòng
9. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T Cầu Bình Triệu
10. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPII)	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
11. Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (HNHC) *(i)*	Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp 49% quyền biểu quyết và nắm giữ gián tiếp 51% thông qua Công ty CII B&R *(xem Thuyết minh dưới đây)*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty khác thông qua các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&R				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (HNHC)	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (BOT Ninh Thuan)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng và thu phí giao thông hoàn vốn cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (Ninh Thuan Invest JSC)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (BOTRM)	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	50,53%	50,53%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty liên doanh				
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy				
Công ty con				
1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh nhà và bất động sản
2. Công ty TNHH Hương Trà	Tỉnh Quảng Ngãi	99,00%	99,00%	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	90,00%	90,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Công ty liên kết				
1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Tỉnh Quảng Nam	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
6. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro *(i)*	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&C				
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII				
Công ty con				
1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	55,00%	55,00%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

(i) Công ty đang tạm dừng kinh doanh trong thời gian chờ triển khai dự án mới.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập cho mỗi loại chứng khoán khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và các cơ quan chủ quản của Nhà nước. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu, phí cam kết rút vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu là các khoản chi phí định kỳ liên quan đến trái phiếu phát hành và được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo thời gian quản lý và lưu ký trái phiếu.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí di dời, sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua – bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	410.364.276	332.774.347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.627.076.258	77.626.795.714
Tiền đang chuyển	418.704.270	-
Cộng	**32.456.144.804**	**77.959.570.061**

2. Phải thu của khách hàng

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Ông Nguyễn Trường Sơn *(i)*	402.069.186.731	416.014.425.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Kalas *(i)*	44.674.354.081	46.223.825.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	210.319.749	210.319.749
Cộng	**446.953.860.561**	**462.448.569.749**

(i) Đây là số dư còn phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH City Garden Thủ Thiêm.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII *(i)*	462.850.380.000	462.850.380.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Kalas	7.500.000.000	7.500.000.000
Nhà cung cấp khác	1.564.986.998	698.498.000
Cộng	**471.915.366.998**	**471.048.878.000**
Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	462.850.380.000	462.850.380.000

(i) Đây là khoản trả trước liên quan đến thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận trong tương lai do CII B&R đang sở hữu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	1.075.326.055.276	410.083.493.151
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc *(i)*	316.946.516.779	318.169.027.812
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An *(ii)*	222.412.131.222	211.115.072.497
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại 592	130.582.000.000	175.140.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	136.055.636.821	170.511.344.364
Phải thu các đối tượng khác	99.053.045.299	130.413.045.299
Cộng	1.980.375.385.397	1.415.431.983.123
b. Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	2.988.936.167.882	2.892.496.167.882
Tổng cộng phải thu về cho vay	**4.969.311.553.279**	**4.307.928.151.005**

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay đối với các bên liên quan:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII *(v)*	320.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII *(v)*	264.083.493.151	249.583.493.151
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn *(v)*	246.242.562.125	160.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy *(v)*	125.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (v)	120.000.000.000	-
	1.075.326.055.276	**410.083.493.151**
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận *(iii)*	1.637.780.000.000	1.550.280.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội *(iv)*	946.375.642.610	938.935.642.610
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm *(v)*	347.754.075.591	346.254.075.591
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII *(v)*	57.026.449.681	57.026.449.681
	2.988.936.167.882	**2.892.496.167.882**
Cộng phải thu các bên liên quan	**4.064.262.223.158**	**3.302.579.661.033**

(i) Số dư cuối kỳ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (doanh nghiệp án BOT Trung Lương - Mỹ Thuận) với giá trị là 300 tỷ đồng. Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn;

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay (tiếp theo)

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm, đã được gia hạn thanh toán. Số dư gốc cuối kỳ của hợp đồng này là 16.946.516.779 đồng.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An theo hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ ngày 26 tháng 1 năm 2018. Công ty Khánh An cam kết ngay khi nhận được các khoản phân chia từ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu hoặc ngay khi thu xếp được tài chính sẽ thực hiện hoàn trả nợ cho Công ty. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng phần vốn của Khánh An trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

(iii) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo hợp đồng ký ngày 20 tháng 12 năm 2017 để đầu tư vào dự án đang thực hiện. Thời hạn của hợp đồng tương đương thời gian thu phí của dự án. Lãi suất được áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm, lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn.

(iv) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội để thực hiện dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội và bổ sung vốn lưu động. Lãi suất áp dụng trong kỳ dao động trong khoảng từ 10,5%/năm đến 12,5%/năm. Khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội có nguồn thu từ việc thu phí sẽ tiến hành hoàn trả dần vốn và lãi cho Công ty.

(v) Các khoản hỗ trợ vốn cho các công ty con để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh và đầu tư vào các dự án đang thực hiện, được hưởng lãi suất phù hợp với lãi suất đi vay của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	264.032.693.548	210.279.384.345
Lãi tiền gửi, trái phiếu và tiền cho vay	235.935.268.707	218.427.717.865
Vốn góp hợp tác đầu tư	233.723.301.802	343.423.301.802
Các khoản tiền cầm cố, ký quỹ và đặt cọc	148.447.957.367	149.178.264.356
Phải thu người lao động	58.020.000.000	18.200.000.000
Vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	21.151.822.600
Các khoản chi hộ	-	9.151.391.661
Các khoản phải thu khác	-	42.135.292
Cộng	961.311.044.024	969.854.017.921
b. Dài hạn		
Lãi cho vay *(i)*	685.219.269.334	538.975.970.738
Ký cược, ký quỹ	6.738.000.000	6.801.000.000
Cộng	691.957.269.334	545.776.970.738
Tổng cộng phải thu khác	1.653.268.313.358	1.515.630.988.659

Trong đó, phải thu các bên liên quan:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Lãi cho vay	722.524.905.646	568.772.865.125
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	383.673.912.157	282.977.546.978
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	209.844.902.065	156.093.446.136
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	111.489.350.622	100.197.979.242
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	13.096.582.192	23.717.180.821
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	2.868.493.150	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	1.551.665.460	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	5.786.711.948
Vốn góp hợp tác đầu tư	233.723.301.802	343.423.301.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	74.950.000.000	184.650.000.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

Trong đó, phải thu các bên liên quan: (tiếp theo)

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**261.867.298.515**	**208.113.989.312**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	141.760.631.315	89.314.381.378
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	117.306.667.200	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	1.800.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	99.114.338.802
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	2.185.269.132
Các khoản chi hộ cho Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	-	9.151.391.661
Cộng phải thu các bên liên quan	**1.218.115.505.963**	**1.129.461.547.900**

(i) Chi tiết phải thu tiền lãi cho vay dài hạn:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	383.673.912.157	282.977.546.978
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	209.844.902.065	156.093.446.136
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	90.886.183.878	94.118.265.676
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	814.271.234	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	5.786.711.948
Cộng	**685.219.269.334**	**538.975.970.738**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	30/06/2021			01/01/2021		
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác	2.165.395.033	-	(2.165.395.033)	2.165.395.033	-	(2.165.395.033)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.334.409.976	-	50.334.409.976	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu	28.620.067.846	75.000.000
Phí cam kết rút vốn	4.583.333.333	2.536.363.637
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.371.212	20.393.181
Cộng	**33.213.772.391**	**2.631.756.818**
b. Dài hạn		
Phí cam kết rút vốn	1.144.444.445	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	48.729.037	33.756.215
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	-	1.252.017.535
Cộng	**1.193.173.482**	**1.285.773.750**
Tổng cộng chi phí trả trước	**34.406.945.873**	**3.917.530.568**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	5.168.827.000	211.946.400	5.380.773.400
Thanh lý, nhượng bán	(1.069.391.630)	-	(1.069.391.630)
Tại ngày 30/06/2021	**4.099.435.370**	**211.946.400**	**4.311.381.770**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	4.658.483.222	211.946.400	4.870.429.622
Khấu hao trong kỳ	145.812.498	-	145.812.498
Thanh lý, nhượng bán	(1.069.391.630)	-	(1.069.391.630)
Tại ngày 30/06/2021	**3.734.904.090**	**211.946.400**	**3.946.850.490**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	510.343.778	-	510.343.778
Tại ngày 30/06/2021	**364.531.280**	**-**	**364.531.280**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1.395.131.770 đồng và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 2.464.523.400 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	1.058.840.204.896
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	1.058.840.204.896
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	-

Đây là quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc mới. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2021				01/01/2021			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		1.500.000.000.000	-			1.500.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	73.316.667	1.448.166.856.085	-	1.986.881.675.700	73.316.667	1.448.166.856.085	-	1.777.929.174.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	105.672.342	1.288.074.356.058	-	5.896.516.683.600	105.649.542	1.286.286.237.898	-	7.289.818.398.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		970.020.000.000	-			970.020.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		751.300.000.000	-			751.300.000.000	-	
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	32.654.750	485.383.662.063	-	532.272.425.000	32.654.750	485.383.662.063	-	604.112.875.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	31.599.882	433.859.468.372	-	458.198.289.000	29.590.782	391.052.844.608	-	590.336.100.900
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	4.860.450	69.382.887.750	-		4.860.450	69.382.887.750	-	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		10.000.000.000	-			10.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	499.998	5.046.890.596	-		499.998	5.046.890.596	-	
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh		65.000.000	-			65.000.000	-	
Cộng		**6.961.299.120.924**	**-**			**6.916.704.379.000**	**-**	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2021				01/01/2021			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	90.648.000	906.480.000.000	-	-	90.648.000	906.480.000.000	-	-

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021				01/01/2021			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront	6.000.000	187.793.610.000	-	-	6.000.000	187.793.610.000	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	297.000	29.700.000.000	-	-	297.000	29.700.000.000	-	-
Công ty TNHH Golden Real Estate		19.998.000.000	-	-		19.998.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	500.000	5.000.000.000	-	-	500.000	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	277.710	3.187.515.563	-	-	277.710	3.187.515.563	-	-
Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam		-	-	-		1.100.000	-	-
Cộng		245.679.125.563	-	-		245.680.225.563	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trái phiếu ngân hàng	1.000.000.000	1.000.000.000

Thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán như Công ty CII B&R, Công ty SII, Công ty CII E&C và Công ty NBB được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Giá trị hợp lý của các công ty còn lại không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

Thông tin các khoản đầu tư được cầm cố, thế chấp

Phần vốn góp trong các công ty đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con bao gồm:

Tên Công ty	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.500.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lứ Gia	751.300.000.000
Cộng	2.251.300.000.000

Số lượng cổ phiếu đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	105.622.452
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	71.452.835
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	32.654.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	28.059.280
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	90.648.000
Cộng	328.437.317

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2021 VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	147.238.113	2.402.934	-	144.835.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.191.789.862	-	-	1.191.789.862
Cộng	1.339.027.975	2.402.934	-	1.336.625.041
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	8.101.849.534	4.230.797.319	9.092.637.386	3.240.009.467
Thuế nhà thầu	5.512.233.654	3.952.070.756	8.331.609.804	1.132.694.606
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	13.614.083.188	8.185.868.075	17.427.247.190	4.372.704.073

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí quản lý, lưu ký và phát hành trái phiếu	46.564.314.445	33.715.442.092

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả lãi vay	237.779.958.691	297.041.735.561
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	26.869.293.140	26.869.293.140
Trái phiếu hết hạn chuyển đổi	7.787.000.000	7.808.000.000
Cổ tức phải trả	3.826.147.996	3.933.009.596
Phải trả lãi chậm thanh toán	-	28.349.495.383
Các khoản phải trả khác	10.880.602.185	10.991.819.333
Cộng	287.143.002.012	374.993.353.013

Trong đó, phải trả các bên liên quan như sau:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sử dụng vốn	4.629.498.594	28.810.870.826
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.370.502.683	1.004.341.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	1.267.959.199	1.100.318.136
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.113.125.934	2.089.071.489
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	629.826.575	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	186.703.146	100.290.938
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	61.381.057	83.915.907
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	21.694.089.514
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	2.046.736.027
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	692.107.515
Phải trả lãi chậm thanh toán	-	28.349.495.383
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	28.349.495.383
Các khoản thu hộ	7.069.000.001	7.648.155.001
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	7.069.000.001	7.269.000.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	379.155.000
Phải trả khác	2.777.100.000	2.777.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.777.100.000	2.777.100.000
Cộng phải trả các bên liên quan	14.475.598.595	67.585.621.210

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các bên liên quan (*)	3.194.978.053.222	3.194.978.053.222	1.922.143.593.771	1.155.603.099.963	2.428.437.559.414	2.428.437.559.414
Vay các ngân hàng thương mại	765.000.000.000	765.000.000.000	499.500.000.000	625.500.000.000	891.000.000.000	891.000.000.000
Vay các công ty chứng khoán	367.180.758.120	367.180.758.120	1.115.940.535.275	1.070.636.850.492	321.877.073.337	321.877.073.337
Vay các cá nhân và tổ chức khác	62.570.121.770	62.570.121.770	10.000.000.000	28.483.000.000	81.053.121.770	81.053.121.770
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả *(xem Thuyết minh b)*	178.819.221.832	178.819.221.832	-	-	235.931.477.500	235.931.477.500
Mệnh giá trái phiếu đến hạn *(xem Thuyết minh b)*	1.111.000.000.000	1.111.000.000.000	-	-	420.000.000.000	420.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu đến hạn *(xem Thuyết minh b)*	(37.568.878.295)	(37.568.878.295)	-	-	(33.396.324.993)	(33.396.324.993)
Cộng	5.641.979.276.649	5.641.979.276.649	3.547.584.129.046	2.880.222.950.455	4.344.902.907.028	4.344.902.907.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết vay các bên liên quan

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.990.190.846.456	1.990.190.846.456	694.699.670.137	595.896.649.399	1.891.387.825.718	1.891.387.825.718
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	656.994.790.259	656.994.790.259	848.250.000.000	393.134.070.310	201.878.860.569	201.878.860.569
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	194.818.138.035	194.818.138.035	214.204.295.562	116.622.049.965	97.235.892.438	97.235.892.438
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	100.086.062.110	100.086.062.110	-	26.453.800.903	126.539.863.013	126.539.863.013
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	92.243.595.896	92.243.595.896	109.489.628.072	17.246.032.176	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	69.001.528.943	69.001.528.943	45.500.000.000	-	23.501.528.943	23.501.528.943
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	30.493.752.790	30.493.752.790	10.000.000.000	6.250.497.210	26.744.250.000	26.744.250.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	27.981.467.058	27.981.467.058	-	-	27.981.467.058	27.981.467.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	4.167.871.675	4.167.871.675	-	-	4.167.871.675	4.167.871.675
Cộng	3.194.978.053.222	3.194.978.053.222	1.922.143.593.771	1.155.603.099.963	2.428.437.559.414	2.428.437.559.414

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	515.000.000.000	12 tháng	02/06/2022	10,90%-11,50%	Sử dụng cho các dự án đang đầu tư.	Thế chấp bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn và quyền sử dụng đất Lô 3.15.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank)	250.000.000.000	12 tháng	26/05/2022	10,00%	Sử dụng cho các dự án đang đầu tư.	Thế chấp bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn; quyền phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII.
Các công ty Chứng khoán	367.180.758.120	12 tháng		10,00%-14,00%	Đầu tư chứng khoán.	Thế chấp bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn.
Các bên liên quan, các công ty và cá nhân khác	3.257.548.174.992	<= 12 tháng		8,00%-12,00%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Các khoản vay						
Vay các cá nhân và tổ chức khác	826.705.810.413	826.705.810.413	78.435.090.860	42.917.643.860	791.188.363.413	791.188.363.413
Vay các ngân hàng thương mại	114.491.666.667	114.491.666.667	120.000.000.000	5.508.333.333	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng	(178.819.221.832)	(178.819.221.832)			(235.931.477.500)	(235.931.477.500)
	762.378.255.248	762.378.255.248	198.435.090.860	48.425.977.193	555.256.885.913	555.256.885.913
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu CIIBOND2020_02	1.995.916.666.665	2.000.000.000.000	1.166.666.666	-	1.994.749.999.999	2.000.000.000.000
Trái phiếu CII012029_G	1.124.078.640.046	1.150.000.000.000	1.728.090.664	-	1.122.350.549.382	1.150.000.000.000
Trái phiếu CIIBOND2020-04	798.293.333.332	800.000.000.000	426.666.666	-	797.866.666.666	800.000.000.000
Trái phiếu CIIB2124001	561.281.750.000	590.000.000.000	561.281.750.000	-	-	-
Trái phiếu CII-H-20-23-006	540.760.606.059	550.000.000.000	2.309.848.484	-	538.450.757.575	550.000.000.000
Trái phiếu CIIB2024009	479.000.000.000	500.000.000.000	3.500.000.000	-	475.500.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu CII42013	387.492.000.000	392.932.000.000	640.000.000	944.000.000	387.796.000.000	393.876.000.000
Trái phiếu CII.BOND.2020.01	296.625.000.000	300.000.000.000	2.250.000.000	-	294.375.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu CII052022	259.042.500.000	261.000.000.000	978.750.000	-	258.063.750.000	261.000.000.000
Trái phiếu CII072022	198.666.666.665	200.000.000.000	666.666.666	-	197.999.999.999	200.000.000.000
Trái phiếu CII 102021	199.375.000.000	200.000.000.000	1.250.000.000	-	198.125.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu CIIH2122001	199.895.000.000	200.000.000.000	199.895.000.000	-	-	-
Trái phiếu CIIBOND2020-01	149.812.500.000	150.000.000.000	437.500.000	100.000.000.000	249.375.000.000	250.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2019_01	-	-	1.393.597.000	370.000.000.000	368.606.403.000	370.000.000.000
Trái phiếu CIIBOND2020_03	-	-	2.172.380.000	220.000.000.000	217.827.620.000	220.000.000.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu phát hành (tiếp theo)						
Trừ: Mệnh giá trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới	(1.111.000.000.000)	(1.111.000.000.000)	-	-	(420.000.000.000)	(420.000.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	37.568.878.295	-	-	-	33.396.324.993	-
	6.116.808.541.062	6.182.932.000.000	780.096.916.146	690.944.000.000	6.714.483.071.614	6.774.876.000.000
Cộng vay và trái phiếu	6.879.186.796.310	6.945.310.255.248	978.532.007.006	739.369.977.193	7.269.739.957.527	7.330.132.885.913

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	178.819.221.832	235.931.477.500
Trong năm thứ hai	453.214.551.385	376.979.821.413
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	259.163.703.856	178.277.064.500
Sau năm năm	50.000.000.007	-
	941.197.477.080	791.188.363.413
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(178.819.221.832)	(235.931.477.500)
Cộng	762.378.255.248	555.256.885.913

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	1.111.000.000.000	420.000.000.000
Trong năm thứ hai	2.200.000.000.000	1.381.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.832.932.000.000	4.243.876.000.000
Sau năm năm	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
	7.293.932.000.000	7.194.876.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.111.000.000.000)	(420.000.000.000)
Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai *(*)*	(66.123.458.938)	(60.392.928.386)
Cộng	6.116.808.541.062	6.714.483.071.614

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay các cá nhân và tổ chức khác	826.705.810.413	Dưới 3 năm		8,50%-12,50%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Trung tâm KHDN Lớn Miền Nam	114.491.666.667	9 năm	27/01/2030	10,50%	Sử dụng cho các dự án đang đầu tư.	Vốn góp trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia; toàn bộ tài sản của dự án nhà máy cấp nước Đankia 2 tại Thành phố Đà Lạt; quyền đòi nợ từ việc bán nước sạch cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu CIIBOND2020_02 với tổng mệnh giá phát hành là 2.000 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 13 tháng 3 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho kỳ đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần và 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu, cổ phần của công ty con thuộc sở hữu của Công ty.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty;

Trái phiếu CII012029_G với tổng mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 11.500.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 31 tháng 1 năm 2019;
- Kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 7,2%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các dự án BOT trọng điểm của Công ty;
- Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd với thời hạn bảo lãnh là 10 năm.

Trái phiếu CIIBOND2020-04 với tổng mệnh giá phát hành là 800 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 800.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 28 tháng 7 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho kỳ đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần và 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu, vốn góp của công ty con thuộc sở hữu của Công ty.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Trái phiếu CIIB2124001 với tổng mệnh giá phát hành là 590 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.900.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 13 tháng 4 năm 2021;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,2%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,22%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: thanh toán trước hạn trái phiếu CII_Bond2019_01 và thanh toán cho trái phiếu CIIBOND2020_03.

Trái phiếu CII-H-20-23-006 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 550.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 27 tháng 8 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm, nhưng không thấp hơn 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty, quyền phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư số 29/2020/HĐ-CII ngày 14 tháng 8 năm 2020 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CIIB2024009 với tổng mệnh giá phát hành là 500 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 28 tháng 12 năm 2020;
- Kỳ hạn: 42 tháng;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 10,3%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,025%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Trái phiếu CII42013 (mã cũ: CII_C_BOND2020) với tổng mệnh giá phát hành là 393.876.000.000 đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 393.876;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền, có lãi suất cố định và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 2 tháng 11 năm 2020;
- Kỳ hạn: 5 năm;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Thời gian chuyển đổi: 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Đây là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu trong đó tỷ lệ chuyển đổi phụ thuộc vào thời điểm trái chủ thực hiện chuyển đổi.

Công ty đã tiến hành 1 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 944, tương đương tổng mệnh giá là 944.000.000 đồng, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 41.426 cổ phiếu.

Trái phiếu BOND.CII.2020.01 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 12 tháng 03 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII052022 với tổng mệnh giá phát hành là 261 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.610.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 21 tháng 5 năm 2019;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Trái phiếu CII072022 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 24 tháng 7 năm 2019;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII102021 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 24 tháng 10 năm 2019;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 4 kỳ tính lãi đầu là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CIIH2122001 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 24 tháng 5 năm 2021;
- Kỳ hạn: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 11,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho Dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Trái phiếu CIIBOND2020-01 với tổng mệnh giá phát hành là 250 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 2 tháng 1 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho kỳ đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần và 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại lô 3.15.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty đã mua lại trước hạn 1.000 trái phiếu với tổng mệnh giá 100.000.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2020	**2.831.681.520.000**	**391.516.634.932**	**(851.997.873.500)**	**193.013.957.959**	**393.966.466.346**	**2.958.180.705.737**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	304.192.700.857	304.192.700.857
Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	-	(175.510.116.869)	-	-	(175.510.116.869)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.792.186.871	(9.792.186.871)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9.792.186.871)	(9.792.186.871)
Tại ngày 30/06/2020	**2.831.681.520.000**	**391.516.634.932**	**(1.027.507.990.369)**	**202.806.144.830**	**678.574.793.461**	**3.077.071.102.854**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	42.635.576.327	42.635.576.327
Chia cổ tức	-	-	-	-	(238.838.282.000)	(238.838.282.000)
Tại ngày 31/12/2020	**2.831.681.520.000**	**391.516.634.932**	**(1.027.507.990.369)**	**202.806.144.830**	**482.372.087.788**	**2.880.868.397.181**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	**2.831.681.520.000**	**391.516.634.932**	**(1.027.507.990.369)**	**202.806.144.830**	**482.372.087.788**	**2.880.868.397.181**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.762.589.215	12.762.589.215
Chuyển đổi trái phiếu	414.260.000	529.740.000	-	-	-	944.000.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển *(i)*	-	-	-	12.696.146.180	(12.696.146.180)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi *(i)*	-	-	-	-	(12.696.146.180)	(12.696.146.180)
Tại ngày 30/06/2021	**2.832.095.780.000**	**392.046.374.932**	**(1.027.507.990.369)**	**215.502.291.010**	**469.742.384.643**	**2.881.878.840.216**

(i) Mức trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2020 được thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2021.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	283.209.578	283.168.152
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	283.209.578	283.168.152
+ Cổ phiếu phổ thông	283.209.578	283.168.152
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(44.329.870)	(44.329.870)
+ Cổ phiếu phổ thông	(44.329.870)	(44.329.870)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	238.879.708	238.838.282
+ Cổ phiếu phổ thông	238.879.708	238.838.282
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Cổ tức năm 2019 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 2 tháng 6 năm 2020 phê duyệt với tỷ lệ 12%. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2019 với tỷ lệ chi trả 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).

Cổ tức năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23 tháng 4 năm 2021 phê duyệt với tỷ lệ 12%.

Cổ tức năm 2021 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ 12%. Tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, việc chi trả cổ tức có thể bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	336.252.917.137	190.595.381.130
Lãi tiền gửi, trái phiếu và tiền cho vay	276.660.840.125	173.951.774.975
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	87.505.290.812	470.472.866.292
Doanh thu tài chính khác	320.526.430	11.850.823
Cộng	**700.739.574.504**	**835.031.873.220**

Trong đó, doanh thu phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**336.252.917.137**	**190.595.381.130**
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	146.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	117.306.667.200	159.131.955.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	52.446.249.937	31.463.426.130
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	13.700.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	1.000.000.000	-
Lãi tiền cho vay	**221.678.768.497**	**127.906.630.989**
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	100.696.365.179	69.079.442.869
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	53.751.455.929	27.729.155.920
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	22.318.900.733	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	15.741.997.523	8.518.901.623
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	12.165.084.707	4.398.931.508
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	9.908.091.783	7.218.828.767
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	7.063.835.615	7.660.054.794
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	33.037.028	2.628.336.627
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	672.978.881
Cộng doanh thu từ bên liên quan	**557.931.685.634**	**318.502.012.119**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	609.963.316.469	440.273.702.768
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	50.992.441.011	45.079.640.334
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	18.491.849.585
Chi phí phát sinh liên quan đến mua lại trái phiếu	-	2.762.053.586
Chi phí tài chính khác	6.878.638.200	5.612.603.021
Cộng	667.834.395.680	512.219.849.294

Trong đó, chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	136.269.552.623	97.251.515.836
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	94.579.212.570	62.066.165.085
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	19.555.326.600	22.386.198.313
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	11.192.218.604	2.638.918.006
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	4.814.091.582	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	2.403.890.116	6.152.802.223
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.269.826.575	911.095.890
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.266.161.383	1.274.043.052
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.021.184.130	554.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	167.641.063	168.567.256
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	-	1.099.476.011
Lãi chậm thanh toán		
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	159.988.365	3.957.793.929
Cộng chi phí từ bên liên quan	136.429.540.988	101.209.309.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.566.126.922	9.560.369.272
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.644.601	170.147.727
Chi phí khấu hao	145.812.498	145.812.498
Thuế, phí và lệ phí	1.675.552.997	2.899.387.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.317.032.424	5.945.358.592
Chi phí bằng tiền khác	432.577.729	570.000.000
Cộng	**20.170.747.171**	**19.291.075.938**

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**12.762.589.215**	**303.828.567.016**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không được trừ	229.825.694.498	98.655.692.305
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(336.252.917.137)	(190.595.381.130)
Thu nhập chịu thuế	**(93.664.633.424)**	**211.888.878.191**
Lỗ tính thuế năm trước mang sang	-	(211.888.878.191)
Thu nhập/(lỗ) tính thuế	**(93.664.633.424)**	**-**
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN bổ sung	-	(364.133.841)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**(364.133.841)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty con, công ty liên doanh, liên kết do Công ty thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp qua các công ty con khác như đã trình bày tại Thuyết minh số I - Cấu trúc doanh nghiệp. Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	45.500.000.000	49.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	30.000.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	14.500.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	136.700.000.000	104.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	3.373.608.150	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	848.250.000.000	1.363.462.700.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	72.384.481.269	399.176.409.430
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	639.500.000.000	859.300.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	10.000.000.000	33.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	4.899.709.062	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia		
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	12.751.083.361	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	443.150.764
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	214.204.295.562	-
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	87.587.841.295	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	215.488.603.985
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	27.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	125.000.000.000	-
Thu hồi tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh	117.500.000.000	182.000.000.000
Chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh	7.800.000.000	558.500.000.000

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	232.400.000.000	190.610.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	224.960.000.000	109.493.078.709
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	47.707.320.352
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	19.800.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	694.699.670.137	877.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	343.656.464.303	624.990.958.032
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	121.500.000.000	-
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	12.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	19.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	87.500.000.000	459.000.000.000
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	109.489.628.072	-
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	17.246.032.176	-

Tiền lương, thưởng, phụ cấp và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách	1.360.000.000	1.561.401.111
Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc	1.207.000.000	2.071.111.111
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc	730.000.000	1.062.921.111
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	314.000.000	151.111.111
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc dự án hạ tầng	760.000.000	566.361.111
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính	534.375.174	641.111.111
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc quản lý vốn	805.000.000	610.111.111
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc phát triển dự án	240.000.000	266.301.111
Bà Trần Yến Vy	Giám đốc hành chính - quản trị	386.000.000	105.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	Giám đốc kế hoạch hành chính (miễn nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2020)	-	298.111.111
Cộng		6.336.375.174	7.334.039.999

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	944.000.000	-
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	44.594.741.924	851.060.452.371
Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.370.060.366.715
	44.594.741.924	**2.221.120.819.086**
Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Thu hồi đầu tư vào công ty con	-	142.354.537.111
Thu từ chuyển nhượng công ty liên doanh, liên kết	-	1.648.953.000.000
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	103.001.100.000	-
	103.001.100.000	**1.791.307.537.111**
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.823.875.626.135	1.771.372.609.406
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	765.360.000.000	2.728.363.681.500
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	1.922.143.593.771	2.625.028.946.553
	4.511.379.219.906	**7.124.765.237.459**
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.773.045.827.685	1.332.114.306.207
Tiền trả nợ gốc trái phiếu	690.021.000.000	1.159.682.395.500
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	1.155.603.099.963	1.985.365.543.892
	3.618.669.927.648	**4.477.162.245.599**

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Thông tin khác

Đại dịch covid-19 đã và đang ngày càng diễn biến phức tạp, gây ra những biến động to lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của dịch bệnh, đánh giá ảnh hưởng, xem xét các khoản dự phòng, tổn thất tài sản và công nợ tiềm tàng trên nguyên tắc thận trọng. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin đáng tin cậy nhất có được đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Nguyễn Văn Bích Ngọc	Mai Thị Thu Phương	Lê Quốc Bình
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 029027 Quyển số 09 SCT/BS
Ngày 20-09-2021
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Nguyên Yên Vũ